

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
thị trấn Đak Đoa (mở rộng), huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về
lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng về
Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô
thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ quyết định số 47/2004/QĐ-UBND ngày 20/04/2004 của UBND tỉnh
Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đak Đoa,
huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ về việc
điều chỉnh địa giới hành chính thị trấn Đak Đoa, xã HNeng, xã Kon Gang và xã
Glar để mở rộng thị trấn Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai ;

Xét Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 07/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện
Đak Đoa về việc thẩm định và phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị
trấn Đak Đoa (mở rộng), huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đến năm 2030 và Báo cáo
thẩm định số 47/BC-SXD ngày 14/4/2017 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đak Đoa
(mở rộng), huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đến năm 2030 với nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đak Đoa
(mở rộng), huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đến năm 2030.

2. Địa điểm và ranh giới quy hoạch:

* Địa điểm quy hoạch: Thị trấn Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

* Ranh giới quy hoạch:

- Phía Bắc : Giáp xã HNeng;

- Phía Nam : Giáp xã Glar và xã ADok;

- Phía Đông : Giáp xã Tân Bình và xã GLar;

- Phía Tây : Giáp xã An Phú, thành phố Pleiku.

3. Quy mô quy hoạch:

- Hiện trạng dân số năm 2016: 15.247 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,45%. Diện tích tự nhiên toàn thị trấn là 2.121,29 ha. Hiện trạng đất xây dựng đô thị là 429,63ha chiếm 20,25%.

- Quy mô dân số:

+ Định hướng dân số đến năm 2020: 17.000 người - 18.000 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến 2020: 1,35%. Tỷ lệ tăng dân số cơ học 2020 : 0,65%.

+ Định hướng dân số đến năm 2030: 21.500 người - 22.500 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến 2030: 1,2%. Tỷ lệ tăng dân số cơ học 2030 : 0,8-1,0%.

- Quy mô đất xây dựng đô thị:

+ Định hướng đất xây dựng đô thị đến năm 2020: 550 ha.

+ Định hướng đất xây dựng đô thị đến năm 2030: 650 ha.

- Tỷ lệ lập quy hoạch: Lập quy hoạch chung xây dựng với tỷ lệ: 1/5.000

4. Tính chất đô thị và các chỉ tiêu quy hoạch:

4.1. Tính chất đô thị: Thị trấn Đak Đoa là thị trấn huyện lỵ huyện Đak Đoa, trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục và an ninh quốc phòng của huyện Đak Đoa. Định hướng thành đô thị vệ tinh thành phố Pleiku với các lĩnh vực dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, công nghiệp, khu ở thấp tầng ...

4.2. Các chỉ tiêu quy hoạch:

a. Chỉ tiêu về sử dụng đất:

- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị loại V : 150 - 200 m²/người, trong đó:
 - + Chỉ tiêu sử dụng đất ở đô thị : 50 - 80 m²/người.
 - + Chỉ tiêu đất công trình công cộng : 6 - 12 m²/người.
 - + Chỉ tiêu đất cây xanh : 7- 9 m²/người.
 - + Chỉ tiêu đất giao thông : ≥ 13% diện tích đất xây dựng

đô thị.

b. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

Bảng chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm tính	
			2020	2030
1	Cấp nước:			
	- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt	L/người/ng.đ	≥ 80	≥100
	- Tỷ lệ cấp nước	% dân số	≥ 80	≥95
3	Thoát nước bản, quản lý CTR và nghĩa trang:			
	- Tiêu chuẩn thoát nước thải dân dụng	% cấp nước	80%	80%
	- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn			
	+ Tiêu chuẩn chất thải rắn phát sinh	(kg/ng- ng)	0,8	0,8
4	Cấp điện:			
	- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt (phụ tải)	W/người	250	350
	- Tiêu chuẩn cấp điện công cộng và dịch vụ	% phụ tải điện sinh hoạt	30% phụ tải điện sinh hoạt	30% phụ tải điện sinh hoạt

5. Nội dung điều chỉnh quy hoạch chung:

5.1. Định hướng phát triển không gian đô thị:

Định hướng không gian đô thị thành 4 khu vực phát triển:

- Khu vực 1: Gồm khu vực trung tâm thị trấn cũ dọc theo quốc lộ 19 (đường Nguyễn Huệ) và 7 thôn, làng của xã HNeng đã được sáp nhập vào thị trấn theo Nghị quyết 139 của Chính phủ. Khu vực trung tâm thị trấn cũ dọc theo Quốc lộ 19 quy hoạch chỉnh trang mang tính kế thừa các khu chức năng hiện có đã được quy hoạch năm 2004; Quy hoạch chỉnh trang hệ thống giao thông khu trung tâm hiện hữu và mở rộng hệ thống giao thông từ thôn 1 đến thôn 5 của xã HNeng đã được sáp nhập vào thị trấn.

- Khu vực 2: Khu vực giáp ranh Khu vực 1 về hướng Bắc, Tây Bắc, khu vực hiện trạng chủ yếu đất trồng cây cao su, địa hình tương đối bằng phẳng,... Định hướng khu vực phát triển thành khu đô thị mở rộng cho thị trấn, trong đó có các chức năng: Quy hoạch quỹ đất để dự phòng khu đất hành chính, công cộng, dịch vụ và khu ở mới quy mô khoảng 50 ha - 80 ha. Hình thành khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại khu đất thu hồi của Công ty cổ phần Sơn Hải. Điều chỉnh tuyến đường vành đai phía Bắc của thị trấn (trước đây là đường Trần Phú) về vị trí giáp ranh giới xã HNeng, tuyến nối từ xã Tân Bình đến thành phố Pleiku, kết nối thị trấn với khu dịch vụ Logistics, khu công nghiệp Trà Đa, cảng hàng không Pleiku,... Quỹ đất còn lại dự phòng cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công cộng dịch vụ và dân cư.

- Khu vực 3: Khu vực phía Đông, Đông Nam thị trấn (khu vực có Thôn Xóm mới, làng H'Lâm). Khu vực này quy hoạch kết nối với Quy hoạch chung xây dựng khu phức hợp tại huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai gồm: sân golf, dịch vụ, công cộng, khu liên hợp thể dục thể thao của tỉnh, khu ở với quy mô 501,13 ha (trong đó có 197,3 ha đất sân golf). Trong quá trình triển khai quy hoạch khu phức hợp, sân golf bố trí 2 ha đất phía Nam sát huyện đội để hoàn trả sân vận động cho huyện Đak Đoa (dự kiến bố trí đất thể dục thể thao, khu tổ chức các sự kiện).

+ Điều chỉnh lại tuyến đường tránh phía Nam quốc lộ 19, điểm đầu phía Đông đầu nối với Quốc lộ 19 tại đường liên xã đi xã H'Nol và điểm cuối phía Tây đầu nối với đường vành đai thành phố Pleiku.

+ Mở đường liên xã từ làng Piom đi xã Ia Dok để tạo sự thuận tiện về giao thông hướng Nam của thị trấn.

+ Giữ lại đất trồng lúa phía Nam kéo dài đến cánh đồng An Phú để tạo cảnh quan nông nghiệp đô thị và phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao.

+ Hình thành khu công nghiệp của tỉnh trong giai đoạn sau năm 2020 với quy mô đất đai khoảng 200 ha tại khu vực phía sau nhà máy chế biến gỗ Đak Đoa. Ngoài ra, khu vực này quy hoạch bố trí cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp huyện Đak Đoa với quy mô 30ha - 35ha, vị trí nằm ở phía Đông khu công nghiệp của Tỉnh, nằm dọc trục liên xã đi H'Nol.

+ Tại khu vực ngã 3 Quốc lộ 19 và đường liên xã đi Kon Gang bố trí chợ đầu mối kết hợp bến xe với quy mô khoảng 5ha - 7ha.

- Khu vực 4: Khu vực hành lang phía Tây, Tây Nam thị trấn, khu vực hành lang nông nghiệp của thị trấn có gắn kết vùng chuyên canh nông nghiệp của thành phố Pleiku như cánh đồng An Phú, khu Biển Hồ,... Kết hợp khu du lịch Thác Ba, công viên đôi thông, khu phức hợp, du lịch văn hóa bản địa các làng đồng bào của thị trấn Đak Đoa, gắn với khu du lịch Đồng Xanh, khu Lâm viên Biển Hồ, công viên văn hóa các dân tộc Gia Lai, công viên Diên Hồng... của thành phố Pleiku để tạo thành chuỗi điểm đến phục vụ khách du lịch.

5.2. Quy hoạch sử dụng đất:

- Trong giai đoạn 2017 - 2030, tổng diện tích quy hoạch: 2.121,29 ha. Cơ cấu sử dụng đất xây dựng đô thị thị trấn các giai đoạn như sau:

**BẢNG TỔNG HỢP ĐẤT ĐAI QUY HOẠCH TOÀN THỊ TRẤN
THEO TỪNG GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH**

Stt	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng Năm 2015		Định hướng đến năm 2020		Định hướng đến năm 2030	
		Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
		(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)	(%)
A	Sử dụng đất trong địa giới hành chính thị trấn Đak Đoa	2.121,29		2.121,29		2.121,29	
I	Đất xây dựng đô thị	429,93	100%	545,75	100%	650,00	100%
1.1	Đất ở	302,98	70,47%	367,98	67,43%	434,15	66,79%
1.1.1	Đất ở hiện trạng	302,98					
1.1.2	Đất ở định hướng quy hoạch			367,98		434,15	
1.2	Đất công cộng	36,61	8,52%	49,98	9,16%	61,68	9,49%
1.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước	13,77		18,14		22,50	
1.2.2	Đất giáo dục - đào tạo, văn hóa	21,18		27,18		31,59	
1.2.3	Đất y tế	1,66		4,66		7,59	
1.3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	28,05	6,52%	34,08	6,24%	47,78	7,35%
1.4	Đất cơ sở thương mại - dịch vụ, Sản xuất kinh doanh	4,39	1,02%	8,45	1,55%	14,89	2,29%
1.5	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	57,90	13,47%	85,26	15,62%	91,50	14,08%
II	Đất khác	1.691,36	100%	1.575,54	100%	1.471,29	100%
2.1	Đất an ninh, quốc phòng	3,26	0,19%	7,76	0,49%	13,27	0,90%
2.2	Đất thuộc khu phức hợp tại huyện Đak Đoa					52,61	3,58%
2.3	Đất dự phòng phát triển đô thị			30,12	1,91%	120,00	8,16%
2.4	Đất nông, lâm, ngư nghiệp	1.649,72	97,54%	1.390,67	88,27%	1.086,33	73,84%
2.4.1	Đất lúa	245,96		241,35		238,61	

2.4.2	Đất sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật	1.403,76		1.149,32		847,72	
2.5	Đất tôn giáo, nghĩa trang, nghĩa địa	14,72		14,72		14,72	
2.6	Đất mặt nước	23,66	1,40%	23,66	1,50%	23,66	1,61%
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác			108,61	6,89%	160,70	10,92%

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Trục đường tránh phía Nam quốc lộ 19, điểm đầu phía Đông đầu nối với quốc lộ 19 tại đường liên xã đi xã H'Nol và điểm cuối phía Tây đầu nối với đường vành đai thành phố Pleiku, chỉ giới 50m. Phía Bắc hình thành tuyến vành đai xác định không gian phát triển đô thị giáp ranh giới xã HNeng, tuyến nối từ xã Tân Bình đến thành phố Pleiku, chỉ giới 35m.

- Giao thông chính đô thị: Lấy trục quốc lộ 19 (đường Nguyễn Huệ) là trục chính đô thị; các trục Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Lê Lợi, Trần Phú, Phan Đình Phùng,... là đường chính khu vực, kết nối các trục tỉnh lộ.

- Công trình đầu mối: Bến xe nội đô theo bến xe hiện nay, ngoài ra dự kiến bến xe tải tại điểm giao nhau quốc lộ 19 và đường liên xã đi Kon Gang (khu vực chợ đầu mối).

BẢNG THỐNG KÊ MẶT CẮT GIAO THÔNG

STT	Tên mặt cắt	Lòng đường (m)	Đải phân cách (m)	Vĩa hè (m)	Chỉ giới giao thông (m)	Ghi chú
1	Mặt cắt 1-1	21,0		7,0x2	35,0	
2	Mặt cắt 2A-2A ; 2B-2B	9,0x2 (15,0x2)	2,0	5,0x2 (9,0x2)	30,0 (50,0)	trong ngoặc là chỉ giới đường 50m
3	Mặt cắt 3-3	20,0		5,0x2	30,0	
4	Mặt cắt 4-4	20,0		15,0 x 2	50,0	
5	Mặt cắt 5-5	10,5		7,25x2	25,0	
6	Mặt cắt 6-6	10,5		4,75x2	20,0	
7	Mặt cắt 7-7; 7A-7A	10,5 (10,0)		4,0x2 (4,0x2)	18,5 (18,0)	trong ngoặc là chỉ giới đường Nguyễn Trãi 18m
8	Mặt cắt 8-8	10,5		3,0x2	16,5	
9	Mặt cắt 9-9	7,0		3,0x2	13,0	
10	Mặt cắt 10-10	10,5x2	9,0	5,0x2	40,0	

6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- Chuẩn bị nền đất xây dựng: Dựa vào ưu thế nền đất cao, căn cứ vào cốt nền hiện hữu sẽ sử dụng phương pháp san lấp cân bằng đất đai tại chỗ.

- Hướng thoát dốc theo hướng địa hình, thoát về hướng Nam, hướng Đông Bắc, hướng Tây Bắc; từ Bắc xuống Nam, toàn bộ đô thị được phân thành 3 lưu vực thoát nước chính.

- Cao độ nền xây dựng dự kiến:

+ Cao độ cao nhất: 770m.

+ Cao độ thấp nhất: 720m.

+ Cao độ trung bình: 745m.

- Độ dốc nền xây dựng: $i_{XD} : 0,004 < i_{XD} < 0,06$.

6.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

- Toàn thị trấn được cấp điện từ đường dây 22KV thuộc xuất tuyến trạm cắt F12 Đak Đoa hiện có. Dự kiến giai đoạn dài hạn xây mới trạm trung gian 110/22 KV Đak Đoa để cấp điện cho thị trấn và các xã lân cận.

- Tổng công suất cấp điện : $P = 14.156KW$.

- Chọn hệ số sử dụng $K_{sd} = 0,7$; hệ số $\cos\varphi = 0,8$.

- Tổng dung lượng các trạm biến áp phụ tải $S = 12.387KVA$.

- Mạng điện phân phối:

+ Trạm biến áp 22/0,4 KV: Xây dựng mới các trạm biến áp 22/0,4 KV. Gồm các trạm có công suất 160KVA; 250KVA; 320KVA; 400KVA, 560KVA...

+ Đường dây 22 KV, 0,4 KV: Cải tạo và xây mới đường dây 22KV, 0,4 KV trong thị trấn.

- Chiếu sáng đô thị:

+ Lưới điện chiếu sáng giao thông trong thị trấn dùng 3 pha có cấp điện áp 380/220V. Cấp ngầm cấp chiếu sáng dùng loại Cu/xlpe/dsta/pvc chôn trong mương đất. Hệ thống chiếu sáng bố trí dọc theo các trục đường giao thông.

+ Lưới chiếu sáng đường: Trên các trục đường chính dùng cấp ngầm, trên các đường nội bộ dùng dây nổi ABC bắt chung cột với các đường dây 22KV và 0,4KV. Tiết diện đường trục chính từ $16mm^2$ đến $25mm^2$, các nhánh rẽ với các đường dây nổi $16mm^2$, với các đường cấp ngầm có thể nhỏ hơn $16mm^2$.

+ Đèn chiếu sáng dùng bóng đèn thủy ngân cao áp 125W đến 250W hoặc bóng LED 100W đến 120W khoảng cách trung bình giữa các đèn 30m - 50m.

6.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Hiện thị trấn có 03 trạm bơm cấp nước hoạt động, tổng công suất cấp nước chỉ đạt $2.370m^3/ngày\text{-đêm}$, khoảng 85,4% hộ dân sử dụng nguồn nước sạch từ trạm cấp nước thị trấn, còn lại sử dụng giếng đào, giếng khoan. Cần đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống cấp nước sạch để cung cấp nước cho người dân sử dụng.

- Phương án cấp nước sinh hoạt cho thị trấn:

+ Giai đoạn đầu 2017 - 2020: Nâng cấp 2 trạm bơm A, B hiện có, công suất hai trạm đạt $1.600m^3/ngày\text{-đêm}$. Nâng tổng công suất 3 trạm cấp nước lên $2.800m^3/ngày\text{-đêm}$. Đồng thời cải tạo nâng cấp, mở rộng đường ống các giếng khoan hiện có.

+ Giai đoạn dài hạn: Bổ sung cấp nước từ nguồn nhà máy nước Biên Hòa,

thành phố Pleiku dẫn về. Dự kiến đầu nối vào đường ống nước D600 tại khu vực trước trụ sở UBND xã Trà Đa. Tuyến ống nước sạch cấp 1 từ thành phố Pleiku về Đak Đoa HDPE D280, bố trí trạm bơm tăng áp tại ranh giới thành phố Pleiku - Đak Đoa. Nguồn nước nhà máy nước Biên Hồ sẽ là nguồn cấp chính cho thị trấn, khi thiếu sẽ bù nước từ 03 trạm cấp nước tại chỗ.

Tổng lưu lượng cấp nước cho toàn thị trấn đến năm 2030 khoảng $3.500\text{m}^3/\text{ngày}\cdot\text{đêm}$.

- Mạng lưới đường ống cấp nước mạng vòng, đường ống nhựa HDPE có đường kính ống D280 - D250 - D200 - D150 - D100mm.

- Nước được qua xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống: QCVN 01-2009/BYT rồi mới cấp cho sử dụng sinh hoạt.

6.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý môi trường:

- Giai đoạn ngắn hạn sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng. Giai đoạn dài hạn xây dựng giếng ngăn tràn tại miệng xã công thoát nước chung để tách nước thải sinh hoạt và nước mưa ra khỏi công chung để gom dẫn về các trạm xử lý nước thải. Nước thải công nghiệp, y tế, làng nghề sản xuất... được xử lý bằng trạm xử lý nước thải cục bộ riêng của từng khu đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường sau đó thoát ra hệ thống thoát nước thải xử lý tập trung đạt tiêu chuẩn mới được xả vào hệ thống thoát nước chung.

- Tổng lưu lượng nước thải bằng 80% lượng nước cấp $Q = 1.980\text{m}^3/\text{ngày}\cdot\text{đêm}$.

- Hệ thống thoát nước mưa: Hướng thoát dốc theo hướng địa hình, thoát về hướng Nam, hướng Đông Bắc, hướng Tây Bắc; từ Bắc xuống Nam, toàn bộ đô thị được phân thành 3 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực I: Nằm ở phía Nam thị trấn, nước mưa tự chảy theo hệ thống các tuyến cống bố trí dọc các tuyến đường giao thông về các khe tự thủy ra suối;

+ Lưu vực II: Nằm ở phía Đông Bắc thị trấn, nước mưa tự chảy theo hệ thống các tuyến cống bố trí dọc các tuyến đường giao thông về các khe tự thủy;

+ Lưu vực III: Nằm ở phía Tây Bắc thị trấn, nước mưa tự chảy theo hệ thống các tuyến cống bố trí dọc các tuyến đường giao thông về các khe tự thủy;

Công thoát nước mưa sử dụng công tròn bê tông ly tâm có đường kính từ D600 đến D1500. Mương xây đá hộc rộng 800, sâu trung bình 1000. Các đoạn qua đường dùng công tròn bê tông ly tâm có đường kính D1000.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Lưu vực thoát nước thải sinh hoạt theo lưu vực thoát nước mưa.

+ Công suất thoát nước thải: $1.980\text{m}^3/\text{ngày}\cdot\text{đêm}$.

+ Xây dựng 02 trạm xử lý nước thải tập trung và hệ thống các trạm bơm nước thải sinh hoạt tại khu vực phía Bắc và phía Nam, công suất mỗi trạm $1.000\text{m}^3/\text{ngày}\cdot\text{đêm}$.

+ Công thoát nước sử dụng công tròn bê tông ly tâm có đường kính D300 đến D1000. Mương xây đá hộc rộng 800, sâu trung bình 1000. Các đoạn qua đường dùng công tròn bê tông ly tâm có đường kính D1000.

6.6. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Chất thải rắn:
 - + Tổng lượng rác thải $W = 22,5$ tấn/ngày.
 - + Chất thải rắn: Khu xử lý chất thải rắn cho thị trấn Đak Đoa hiện nay được quy hoạch xây dựng tại xã Glar có diện tích 5,0 ha - 10 ha.
 - Nghĩa trang: Được quy hoạch xây dựng tại xã K'Dang có diện tích 22,7 ha để phục vụ cho thị trấn và các xã lân cận.

6.7. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp: Thị trấn Đak Đoa được cấp nguồn từ tổng đài vệ tinh trên địa bàn.
- Nhu cầu của khu quy hoạch (định hướng đến năm 2030):
 - + Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định 20 - 25 đường/100 dân: 5.625 thuê bao.
 - + Tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng cố định 15 - 20 thuê bao/100 dân: 4.500 thuê bao.
 - + Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động 35 - 40 thuê bao/100 dân: 9.000 thuê bao.
 - + Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại cố định 40 - 45%; tỷ lệ hộ gia đình có truy cập Internet 35 - 40%; tỷ lệ người sử dụng Internet 55 - 60%.
 - + Tỷ lệ ADSL: 100% được sử dụng đường truyền ADSL.

7. Một số quy định về không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- Khu vực công cộng, trung tâm hiện hữu: Khu vực trung tâm thị trấn Đak Đoa hiện hữu, các công trình văn hoá. Định hướng cải tạo, chỉnh trang mỹ quan đô thị, tăng cường các tiện ích công cộng đồng thời kết hợp với các hoạt động du lịch để nâng cao giá trị và bản sắc lịch sử văn hóa, chất lượng sống cho thị trấn.
- Vùng phát triển đô thị mới: Phát triển theo 02 hướng: hướng Bắc, Tây Bắc; hướng Đông, Đông Nam thị trấn. Định hướng phát triển nhà ở mật độ thấp và trung bình, diện tích không gian cây xanh có tỷ lệ lớn, hòa nhập với cảnh quan tự nhiên và địa hình.
- Vùng kiến trúc công nghiệp: khu công nghiệp cấp tỉnh quy mô 200 ha và cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện quy mô 30 ha. Định hướng phát triển hình ảnh khu công nghiệp hiện đại, nhiều cây xanh môi trường.
- Vùng kiến trúc hành lang nông nghiệp: Là hành lang dân cư nông nghiệp phía Tây Bắc và phía Nam của thị trấn. Định hướng tiếp tục duy trì các hoạt động nông nghiệp, áp dụng các công nghệ tiên tiến, cung cấp các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường nhằm tạo ra sự phát triển cân bằng và bền vững trong quá trình đô thị hóa. Từng bước hoàn thiện, bổ sung các tiện ích công cộng nhằm cải thiện chất lượng sống của người dân.
- Vùng cảnh quan đô thị: Với ưu thế về địa hình, điều kiện cảnh quan thị trấn Đak Đoa có nhiều lợi thế để khai thác không gian cảnh quan nhằm tạo nên những không gian cảnh quan đặc thù riêng. Hệ thống cảnh quan được chia thành các vùng cơ bản như sau:
 - + Vùng cảnh quan khu trung tâm hành chính mới: Định hướng phát triển

thành khu trung tâm hành chính công cộng, thương mại dịch vụ và khu ở mới. Tạo điểm nhấn quan trọng về cảnh quan cho thị trấn.

+ Vùng cảnh quan sinh thái: Định hướng duy trì khung bảo vệ tự nhiên khai thác cảnh quan du lịch.

+ Vùng cảnh quan vành đai nông nghiệp: Là khu vực gắn với phát triển kinh tế nông nghiệp và các làng dân tộc của thị trấn, đóng vai trò là không gian xanh đệm giới hạn sự phát triển của đô thị.

Điều 2. Giao UBND huyện Đak Đoa phối hợp với các cơ quan liên quan công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đak Đoa và Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đ/c CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các đ/c PCVP. UBND tỉnh;
- Công báo;
- Lưu VT-TTTH-KTTH-CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành